

Bản án số: 05/2024/HS-ST  
Ngày: 28-3-2024.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền.

Ông Nguyễn Tấn Đạt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thu Thủy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 3 năm 2024, đối với các bị cáo:

1)- **Phan Thanh T**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 15/8/1993; Nơi sinh: tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: **Tổ G, ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Phan Thanh H** và bà **Võ Thị T1**; Vợ: **Nguyễn Thị Anh T2**; Con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: Ngày 11/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xử phạt 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Ngày 24/02/2023, Tòa án nhân dân tỉnh

Long An xét xử phúc thẩm, xử phạt 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo bị tạm giữ, sau đó chuyển sang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 16/12/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2)- Trần Thanh T3; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 01/01/1982; Nơi sinh: Tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Tấn S và bà Nguyễn Thị N; Vợ: Trần Huỳnh T4; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, sau đó chuyển sang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 16/12/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1)- Ông Trần Văn H1, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2)- Ông Phạm Văn L, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thanh T3 và Phan Thanh T làm nghề kéo tôm thuê cho anh Huỳnh Văn C, ngụ ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Vào ngày 16/12/2023, anh Huỳnh Văn Công n hợp đồng kéo tôm thuê cho ông Phạm Văn L, thường trú: 497, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (ông Phạm Văn L là thương lái thu mua tôm), tại đầm tôm của ông Trần Văn Đ, ngụ 160, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long



An. Anh Huỳnh Văn C gọi điện thoại cho Phan Thanh T và Trần Thanh T3 đi kéo tôm và soạn sẵn dụng cụ kéo tôm cho T và T3 gồm: 01 lưới kéo tôm, 01 bình điện, 02 bộ kích điện và 01 bình nhựa (để thả nổi trên mặt nước). Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Phan Thanh T điều khiển xe mô tô chạy một mình đến nhà của anh Huỳnh Văn C, lúc này nhà anh Huỳnh Văn C không có ai ở nhà. Khoảng 10 phút sau, Trần Thanh T3 điều khiển xe mô tô chạy một mình đến nhà anh C thì gặp Phan Thanh T ở đó. Tại đây, Phan Thanh T rủ Trần Thanh T3 khi đi kéo tôm, lợi dụng chủ đầm tôm không để ý thì cả hai sẽ lén lút lấy trộm tôm bỏ vào túi lưới cất giấu trong lưới kéo tôm để đem đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì T3 đồng ý. Sau khi thống nhất, Phan Thanh T và Trần Thanh T3 thấy có cái lưới kéo tôm đã cũ để sẵn ở nhà anh Huỳnh Văn C nên Trần Thanh T3 đến sàn nước bên hông nhà anh Huỳnh Văn C lấy cái kéo, Phan Thanh T bung lưới ra để Trần Thanh T3 cắt một mảng đuôi lưới kéo dùng làm túi đựng tôm trộm được. Cắt lưới xong, Trần Thanh T3 bỏ túi lưới vào trong túi quần của mình. Sau đó, Trần Thanh T3 điều khiển xe mô tô biển số 63H2-0434 (xe do Trần Thanh T3 đứng tên giấy đăng ký) chở Phan Thanh T cùng dụng cụ kéo tôm đến nhà ông Phạm Văn L (ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An). Khi đến nhà ông Phạm Văn L thì cả hai được ông Phạm Văn L dẫn đường đến nhà ông Trần Văn Đ (ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An) để kéo tôm. Đầm tôm cách nhà của ông Trần Văn Đ khoảng 200 mét. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 16/12/2023, Phan Thanh T và Trần Thanh T3 bắt đầu xuống đầm tôm của ông Trần Văn Đ để kéo tôm. Khi kéo đến đợt thứ 06 thì Phan Thanh T và Trần Thanh T3 bắt đầu bàn nhau lấy trộm tôm. Trần Thanh T3 lấy túi lưới chuẩn bị sẵn trong túi quần và một mình trút tôm từ trong lưới kéo vào túi đựng rồi cột túi lưới lại và để dưới đầm tôm. Sau đó, Phan Thanh T và Trần Thanh T3 tiếp tục kéo tôm đợt 07. Đợt này, Phan Thanh T phàn túi lưới đựng tôm để Trần Thanh T3 trút tôm vô, sau khi đầy túi thì Trần Thanh T3 cột túi lưới lại và cũng để dưới đầm tôm. Phan Thanh T và Trần Thanh T3 tiếp tục kéo tôm khoảng 03 đợt nữa thì Phan Thanh T báo với chủ đầm tôm đã kéo hết tôm. Phan Thanh T lên bờ cầm đuôi lưới kéo, còn Trần Thanh T3 đứng dưới đầm tôm lén lút bỏ túi lưới chứa tôm trộm vào bên trong lưới kéo và cuộn lại, Phan Thanh T kéo lưới lên để trên bờ đầm tôm. Lúc này, Trần Văn H1 (là con của ông Trần Văn Đ phụ coi kéo tôm tại đầm) nhìn thấy lưới cuộn to khác thường nên nói với ông Phạm Văn L yêu cầu Trần Thanh T3 và Phan Thanh T cho kiểm tra. Khi mở bung lưới ra

kiểm tra thì phát hiện bên trong có 01 (một) túi lưới cột miệng, bên trong chứa tôm của đằm tôm vừa kéo. Ông **Trần Văn Đ** gọi điện thoại trình báo cho **Công an xã Đ, huyện T**. Khi **Công an xã Đ** đến hiện trường, kiểm tra cân trọng lượng số tôm chứa trong túi lưới mà **Trần Thanh T3** và **Phan Thanh T** lấy trộm được là 55 kg (Năm mươi lăm ký-lô-gam). **Công an xã Đ** đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đồng thời thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** kết hợp Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ đến khám nghiệm hiện trường. Làm việc **Trần Thanh T3** và **Phan Thanh T** đã khai nhận hành vi trộm cắp tôm của ông **Trần Văn Đ** như nội dung trên.

Ngày 17/12/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện T** có Yêu cầu định giá tài sản số 61/YC-ĐTTH yêu cầu Hội đồng định giá tài sản **huyện T** xác định giá trị thiệt hại của 55 kg (Năm mươi lăm ký-lô-gam) tôm thẻ chân trắng (bình quân 01kg có khoảng 110 con tôm). Tại Kết luận định giá tài sản số: 13/KL-HĐĐG ngày 17/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản **huyện T** kết luận 55 kg (Năm mươi lăm ký-lô-gam) tôm thẻ chân trắng tại thời điểm ngày 16/12/2023 có giá trị là 4.125.000 đồng (Bốn triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSTTr ngày 29 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ đã truy tố các bị cáo **Trần Thanh T3** và **Phan Thanh T** về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38, Điều 50; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Phan Thanh T** mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 50; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T3** mức án từ 03 tháng đến 04 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự: - Đề nghị tuyên tịch thu cho tiêu hủy 01 (một) túi lưới dài 1,1 m, rộng 0,55 m, ô lưới vuông kích thước 01 cm, các bị cáo dùng vào việc phạm tội.



Đề nghị tuyên giao trả lại cho bị cáo **Trần Thanh T3** 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu DAEMACO, màu sơn xám bạc, biển số 63H2-0434, số khung không có, số máy VLF1P52FMH3 70503488 và 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 018411, tên chủ xe **Trần Thanh T3**, biển số xe 63H2-0434.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo **Trần Thanh T3** và **Phan Thanh T** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo không có tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin được xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện T**, của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, nhưng các đương sự đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, theo quy định tại các Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo **Phan Thanh T** và **Trần Thanh T3** đã khai nhận: Vào ngày 16/12/2023, bị cáo **Phan Thanh T** rủ rê bị cáo **Trần Thanh T3** trộm cắp tôm để đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, nên cả hai bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của ông **Trần Văn Đ** là 55 kg tôm thẻ chân trắng, theo kết quả định giá có giá trị là 4.125.000 đồng (Bốn triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Điều 173 Bộ luật Hình sự, quy định tội “*Trộm cắp tài sản*”:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ...”*

Xét thấy, các bị cáo **Phan Thanh T** và **Trần Thanh T3** đã trộm cắp ông **Trần Văn Đ** là 55 kg tôm thẻ chân trắng, theo kết luận định giá có giá trị là 4.125.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo **Phan Thanh T** và **Trần Thanh T3** đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo **Phan Thanh T** và **Trần Thanh T3** là người có sức khỏe nhưng không chịu lao động chính đáng để lo cho bản thân và gia đình, các bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác để phục vụ cho bản thân, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này các bị cáo không có bàn bạc, phân công nhau nên là đồng phạm gián đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Để lập lại trật tự kỷ cương của pháp luật, cần tuyên cho các bị cáo một hình phạt tương xứng thì mới đề cao tính nghiêm minh của pháp luật cũng như răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo **Phan Thanh T** đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng không chịu cải sửa bản thân, lại rủ rê người khác phạm tội, nên lần phạm tội này được xem là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo **T** có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại xin bãi nại cho bị cáo; bị cáo là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, song cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải sửa bản thân trở thành công dân tốt cho xã hội.

Đối với bị cáo **Trần Thanh T3** có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại xin bãi nại cho bị cáo; bị cáo



là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt. Xét thấy bị cáo **T3** có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Ở địa phương bị cáo chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có xác nhận của chính quyền địa phương nên không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì bị cáo vẫn có khả năng tự cải sửa bản thân trở thành công dân tốt cho xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo trộm cắp đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Huỳnh Văn C** không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì, nên không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra **Công an huyện T** đã thu giữ các vật chứng gồm:

- 01 túi lưới dài 1,1 m, rộng 0,55 m, ô lưới kích thước 01 cm.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEMACO, màu sơn xám bạc đen, biển số 62H2-0434, số khung không có, số máy VLF1P52FMH3 70503488.

-01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 018411, tên chủ xe **Trần Thanh T3**, biển số 63H2-0434 (bản chính).

Xét thấy: Đối với 01 túi lưới dài 1,1 m, rộng 0,55 m, ô lưới kích thước 01 cm là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự: Tuyên tịch thu cho tiêu hủy. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEMACO, màu sơn xám bạc đen, biển số 62H2-0434, số khung không có, số máy VLF1P52FMH3 70503488 và 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 018411, tên chủ xe **Trần Thanh T3**, biển số 63H2-0434 (bản chính), đây là phương tiện bị cáo **T3** đi làm thuê, cần áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên giao trả lại cho bị cáo **T3**.

Các vật chứng trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự **huyện T** đang quản lý.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị xử phạt các bị cáo về tội

danh và điều luật và xử lý vật chứng nêu trên là phù hợp.

[5] Về án phí: Các bị cáo **Phan Thanh T** và **Trần Thanh T3** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Tuyên bố: Các bị cáo **Phan Thanh T** và **Trần Thanh T3** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1)- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38, Điều 50; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Phan Thanh T** 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 16/12/2023.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo **Phan Thanh T** 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, để đảm bảo việc thi hành án.

2)- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T3** 04 (bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/3/2024).

Áp dụng khoản 4 Điều 338 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do ngay cho bị cáo **Trần Thanh T3** tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

Giao bị cáo **Trần Thanh T3** về cho **UBND xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang** quản lý, giáo dục.

Trường hợp bị cáo vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.



Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3)- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tuyên tịch thu cho tiêu hủy 01 (một) túi lưới dài 1,1 m, rộng 0,55 m, ô lưới vuông kích thước 01 cm, các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

T5 giao trả lại cho bị cáo Trần Thanh T3 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu DAEMACO, màu sơn xám bạc, biển số 63H2-0434, số khung không có, số máy VLF1P52FMH3 70503488 và 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 018411, tên chủ xe Trần Thanh T3, biển số xe 63H2-0434.

Các vật chứng trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý, theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ.

4)- Về án phí: Các bị cáo Phan Thanh T và Trần Thanh T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

5)- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Công an huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Thái**

